Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ : \ Luận án TS. Giáo dục học: 60 14 05 \ Nguyễn Quang Giao ;Nghd. : GS.TS. Nguyễn Đức Chính, PGS. TS. Bùi Văn Quân

1. Lý do chọn đề tài

Chất lượng GD nói chung và chất lượng GDĐH nói riêng được xem là một trong những yếu tố quan trọng vào bậc nhất thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước và luôn là vấn đề nhận được sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó GDĐH đóng góp phần lớn trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Ngày nay, khi Việt Nam đã trở thành thành viên 150 của tổ chức thương mại thế giới (WTO), vai trò của ngoại ngữ trở nên hết sức cần thiết trong vai trò cầu nối giữa Việt Nam với bạn bè quốc tế. Học tốt ngoại ngữ đồng nghĩa với việc bản thân SV trang bị cho mình một lợi thế cạnh tranh to lớn.

Đối với SV các trường ĐHNN, học tốt ngoại ngữ cụ thể là học tốt các môn chuyên ngành, không những là quyền lợi thiết thực của bản thân SV, đảm bảo việc làm khi ra trường mà còn góp phần thúc đẩy nhanh tiến trình hội nhập của đất nước. Đối với các trường ĐHNN, chất lượng QTDH các môn chuyên ngành là yếu tố quyết định thương hiệu, ảnh hưởng đến số lượng thí sinh dự thi tuyển sinh cũng như chất lượng đầu vào của nhà trường. Chính vì vậy, chất lượng QTDH các môn chuyên ngành có ý nghĩa thiết thực đồng thời đối với bản thân SV và các trường ĐHNN.

Tuy nhiên, trên thực tế chất lượng SV tốt nghiệp ở các trường ĐHNN hiện nay chưa đáp ứng được mục tiêu đào tạo của nhà trường cũng như nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng. Một trong những nguyên nhân chính là do những yếu kém trong công tác quản lý trong đó có QLCL.

Hiện nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về QLCL đào tạo song chưa có công trình nghiên cứu, luận án tiến sĩ nào đi sâu nghiên cứu và vận dụng trong thực tiễn hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở các trường ĐH nói chung và các trường ĐHNN nói riêng.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài "***Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN***" để nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn về QLCL; hệ thống QLCL GDĐH, xây dựng hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN và bước đầu thử nghiệm quản lý QTDH các môn chuyên ngành ở Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng theo cách tiếp cận QLCL.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình đào tạo cử nhân ngoại ngữ ở trường ĐHNN.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Hệ thống ĐBCL đối với QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN.

4. Giả thuyết khoa học

Hiện nay, chất lượng QTDH các môn chuyên ngành ở các trường ĐHNN do nhiều nguyên nhân chưa đáp ứng được mục tiêu đào tạo của nhà trường, nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng. Một trong những nguyên nhân chính khiến cho chất lượng QTDH các môn chuyên ngành ở các trường ĐHNN còn hạn chế là do những bất cập trong công tác quản lý, trong đó có quản lý chất lượng.

Nếu xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN theo lý thuyết ĐBCL có hướng đến một số thành tố của triết lý QLCL tổng thể phù hợp với điều kiện của các trường ĐHNN thì có thể đảm bảo chất lượng QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về QLCL, hệ thống QLCL GDĐH.

5.2. Đánh giá thực trạng ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở các trường ĐHNN.

5.3. Đề xuất các bước xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN.

5.4. Bước đầu thử nghiệm quản lý QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN theo cách tiếp cận QLCL.

6. Giới hạn nghiên cứu

6.1. Về nội dung nghiên cứu

Vấn đề giải quyết của luận án chỉ đề cập ở cấp độ ĐBCL và bước đầu hướng đến một số thành tố đặc trưng của QLCL tổng thể phù hợp với QTDH các môn chuyên ngành cho SV hệ chính quy tập trung các trường ĐHNN.

6.2. Về địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu thực tiễn tại 3 trường ĐHNN trên toàn quốc, bao gồm: Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội; Trường ĐHNN - ĐH Huế; Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng.

7. Những luận điểm bảo vệ

7.1. Xây dựng hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đào tạo và thương hiệu của các trường ĐHNN.

7.2. Hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN được xây dựng và vận hành đảm bảo theo trình tự các bước: Xác định các lĩnh vực cần quản lý của hệ thống; Xây dựng qui trình cho từng lĩnh vực quản lý; Xây dựng chuẩn, tiêu chí đánh giá cho từng lĩnh vực quản lý; Vận hành hệ thống; Đánh giá hệ thống; Điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống.

7.3. Chứng minh tính ưu việt của quản lý QTDH theo cách tiếp cận QLCL so với mô hình quản lý truyền thống theo chức năng.

8. Những đóng góp của luận án

- Góp phần hệ thống hóa các quan điểm cơ bản về QLCL trong GDĐH.
- Xây dựng hệ thống ĐBCL QTDH và bước đầu thử nghiệm quản lý QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN theo cách tiếp cận QLCL.
- Hệ thống QLCL được đề xuất có thể ứng dụng trong các trường ĐHNN và các trường ĐH có đào tạo SV ngoại ngữ hệ chính quy tập trung.

9. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

9.1. Cơ sở phương pháp luận

- Tiếp cận hệ thống;
- Tiếp cận thực tiễn.

9.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

9.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Tiến hành đọc, phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa các nguồn tài liệu lý luận và thực tiễn có liên quan đến chất lượng, QLCL GDĐH.

9.2.2. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế

Tổng kết kinh nghiệm quốc tế về hệ thống ĐBCL cấp hệ thống và trường ĐH.

9.2.3. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Phương pháp điều tra, khảo sát; Nghiên cứu sản phẩm hoạt động; Phỏng vấn sâu, lấy ý kiến chuyên gia; Điều tra bằng bảng hỏi.

9.2.4. Nhóm các phương pháp xử lý thông tin

Sử dụng thống kê toán học để xử lý các kết quả nghiên cứu theo phương pháp định lượng và định tính; Sử dụng phần mềm tin học; Sử dụng sơ đồ, đồ thị...

Chương 1: Cơ sở lý luận về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

1.1. Tổng quan những công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

* Ở nước ngoài: Về mặt lý luận, đã có nhiều tác giả đề cập tới khái niệm chất lượng, chất lượng GDĐH, ĐBCL, hệ thống ĐBCL... Hiện nay, các lý thuyết có liên quan đến ĐBCL như Tiêu chuẩn hóa quốc tế dành cho các cơ quan, tổ chức (ISO) xuất phát từ kinh doanh và công nghiệp đã được đưa vào GD, đặc biệt là GDĐH. Bên cạnh đó, một vài phiên bản của các mô hình ĐBCL đã xuất hiện như các giải thưởng chất lượng quốc gia ở Hoa kỳ, ở Châu Âu hoặc một số nước khác, trong đó một số đã được áp dụng vào GD. Về mặt thực tiễn, trên thế giới hiện nay có nhiều tổ chức tham gia công tác KĐCL và ĐBCL GDĐH như: Tổ chức Mạng lưới đảm bảo chất lượng giáo dục đại học quốc tế (INQAHE), Hội đồng kiểm định giáo dục đại học (CHEA), Mạng lưới Đảm bảo chất lượng ASEAN (AUN), Mạng lưới Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương (APQN)... Các vấn đề về ĐBCL GDĐH nói chung, hệ thống ĐBCL trường ĐH nói riêng được đề cập đến trong hầu hết các tài liệu của các tổ chức KĐCL hoặc ĐBCL. Bên cạnh đó, chính sách chất lượng cũng như các qui trình ĐBCL của các trường ĐH đều được đều công bố trên các trang web của đơn vị.

* Ở Việt Nam: Đến nay đã có nhiều tác giả, các nhà khoa học nghiên cứu và xuất bản các giáo trình, các tài liệu tham khảo về chất lượng GDĐH, trong đó các tác giả đều thống nhất khái niệm chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu. Ở cấp độ vĩ mô, Bộ GD & ĐT đã ban hành một số văn bản liên quan đến chất lượng GDĐH, KĐCL, ĐBCL với yêu cầu thực hiện theo một qui trình khoa học, nghiêm túc. Về mặt thực tiễn, nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, nhà giáo, nhà quản lý đã được thực hiện công phu đề cập đến công tác quản lý và các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDĐH. Trong chương trình đào tạo sau ĐH chuyên ngành quản lý giáo dục, đã có nhiều luận văn tốt nghiệp; luận án nghiên cứu về chất lượng đào tạo, QLCL đào tạo ở trường ĐH. Song chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập đến việc xây dựng hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành, đặc biệt là các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN.

1.2. Chất lượng

Trên cơ sở phân tích các định nghĩa về chất lượng của các tác giả trong và ngoài nước, chúng tôi quan niệm chất lượng là: Khái niệm tương đối, động, đa chiều; Phù hợp với mục tiêu và mục tiêu đó phải phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội; Thỏa mãn nhu cầu, kì vọng của khách hàng.

1.3. Quản lý chất lượng giáo dục đại học

1.3.1. Quản lý chất lượng

Là quản lý theo hướng chuẩn hóa, duy trì cho sự vật ở trạng thái ổn định và phát triển, tựu trung bao gồm 3 hoạt động được tiến hành đồng thời, liên tục, bao gồm: Xác lập các mục tiêu và chuẩn mực; Đánh giá thực trạng đối chiếu với chuẩn; Cải tiến thực trạng theo chuẩn.

1.3.2. Các cấp độ quản lý chất lượng

QLCL bao gồm các cấp độ quản lý là: Kiểm soát chất lượng, ĐBCL và QLCL tổng thể. QLCL là quản lý theo chuẩn bao gồm 3 hoạt động chính được tiến hành đồng thời, liên tục cho đến hết vòng đời của sản phẩm. Nhà quản lý sử dụng các hoạt động đó như thế nào, vào lúc nào là phụ thuộc vào trình độ phát triển QLCL của tổ chức. Nếu chỉ vận dụng khi đã có thành phẩm và nhằm loại bỏ phế phẩm thì đó là *Kiểm soát chất lượng*. Vận dụng trong suốt quá trình sản xuất và phòng ngừa phế phẩm thì đó là *ĐBCL*. Trường hợp luôn cải tiến, luôn nâng cao chuẩn cho phù hợp yêu cầu khách hàng thì đó là *QLCL tổng thể*.

1.3.3. Cấp độ quản lý chất lượng phù hợp với điều kiện thực tiễn của giáo dục đại học Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở phân tích 3 cấp độ của QLCL, tuy mỗi cấp độ có những hạn chế nhất định nhưng có thể thấy rằng đối với các trường ĐH ở Việt Nam hiện nay, ĐBCL là hình thức QLCL phù hợp nhất. Tuy nhiên, các trường ĐH cần quan tâm đến việc lựa chọn, từng bước thực hiện một số đặc trưng cơ bản của triết lý QLCL tổng thể phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị nhằm hướng đến áp dụng triết lý QLCL tổng thể một cách toàn diện trong tương lai.

1.4. Quản lý chất lượng quá trình dạy học

1.4.1. Quá trình dạy học

QTDH là quá trình hoạt động chung, thống nhất giữa GV và SV, trong đó GV tổ chức, điều khiển, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình học tập; SV tự giác, tích cực tự tổ chức tự điều khiển hoạt động nhận thức của bản thân nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập. QTDH đồng thời là quá trình thực thi CTGD của Nhà trường.

1.4.2. Quản lý chất lượng quá trình dạy học

Trong QLCL QTDH, hoạt động dạy học được thiết kế thành một qui trình gọi là qui trình dạy học trong đó đảm bảo việc tuân thủ nghiêm ngặt các bước thực hiện với các chuẩn, tiêu chí đánh giá được xác lập từ trước. Qui trình dạy học bao gồm 3 giai đoạn là: Chuẩn bị; thực thi và đánh giá cải tiến.

Chuẩn bị	- Phân tích nhu cầu, bao gồm: + Xác định vị trí môn học trong chương trình của bậc học hay cấp học + Điều tra đối tượng SV: Kiểm tra kiến thức nền; Tìm hiểu phong cách học của SV; Điều tra hứng thú của SV với môn học + Nghiên cứu điều kiện vật chất - kĩ thuật hỗ trợ, môi trường dạy học môn học - Xác định mục tiêu môn học, bài học, xây dựng đề cương môn học, chuẩn bị tài liệu, phương pháp, phương tiện, công cụ, kiểm tra đánh giá - Chuẩn bị kế hoạch bài dạy (giáo án) + Viết mục tiêu bài dạy

	+ Lựa chọn, sắp xếp nội dung dạy học + Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học, phương pháp, phương tiện, công cụ, kiểm tra đánh giá
Thực thi	- Tiến hành các bước lên lớp theo kế hoạch bài dạy - Kiểm tra đánh giá việc đạt mục tiêu dạy học
Đánh giá Cải tiến	- Lập hồ sơ đánh giá cải tiến sau bài, sau học kì - Lập kế hoạch đánh giá cải tiến - Tiến hành điều chỉnh, cải tiến

1.5. Quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN

1.5.1. Môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

Là môn học bằng ngoại ngữ, nhằm rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ; cung cấp cho SV kiến thức về chính trị - xã hội, ngôn ngữ, văn hóa và văn học các nước; đồng thời đào tạo kiến thức chuyên môn sâu về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ và biên - phiên dịch.

1.5.2. Đặc trưng QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN

Thực hành giao tiếp là đặc trưng cơ bản của QTDH ngoại ngữ. Trong QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN, SV được giới thiệu, làm quen và học tập có chọn lọc các nét văn hóa đặc thù của quốc gia có ngôn ngữ SV đang theo học. Điều này góp phần xây dựng văn hóa chất lượng. Đồng thời làm việc theo đội là một trong những đặc trưng của QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN bởi do sự tương tác thường xuyên, liên tục giữa GV với SV, giữa SV với SV trong QTDH và do đặc thù sĩ số SV của lớp học ngoại ngữ dưới 25 SV.

1.6. Hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

1.6.1. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong trường đại học

Là một hệ thống lớn bao gồm các tiểu hệ thống ĐBCL cùng tồn tại và tác động qua lại lẫn nhau. Các tiểu hệ thống này tương ứng với các lĩnh vực trường ĐH quản lý. Để hệ thống ĐBCL bên trong trường ĐH vận hành đồng bộ, thông suốt đòi hỏi các tiểu hệ thống đồng thời phải vận hành đồng bộ, thông suốt. Hệ thống ĐBCL ở trường ĐH bao gồm 3 thành tố, đó là: Danh mục các lĩnh vực cần quản lý; Các qui trình quản lý tương ứng; Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cho mỗi qui trình.

1.6.2. Hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

1.6.2.1 Đặc trưng của hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

Do đặc thù QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN tạo cho GV, SV có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc tiếp xúc với các nền văn minh, văn hóa của các nước trên thế giới cũng như việc áp dụng hình thức làm việc theo đội trong dạy học, vì vậy hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN bên cạnh việc đảm bảo các đặc điểm của hệ thống hệ thống ĐBCL, hệ thống cần hướng đến bước đầu hình thành văn hóa chất lượng và quan tâm đến hình thức làm việc theo đội trong dạy học là những đặc trưng của triết lý QLCL tổng thể.

1.6.2.2. Hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

Với quan niệm thiết kế CTGD và thực thi CTGD thông qua thực hiện QTDH là 2 hoạt động cơ bản của bất kỳ trường ĐH nào cùng với khái niệm QTDH đã trình bày ở trên và qua phân tích các Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng trường ĐH, tác giả đề xuất cấu trúc hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐH bao gồm các thành tố: CTGD và tài liệu chuyên môn; Quá trình dạy học.

Hình 1.6: Hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

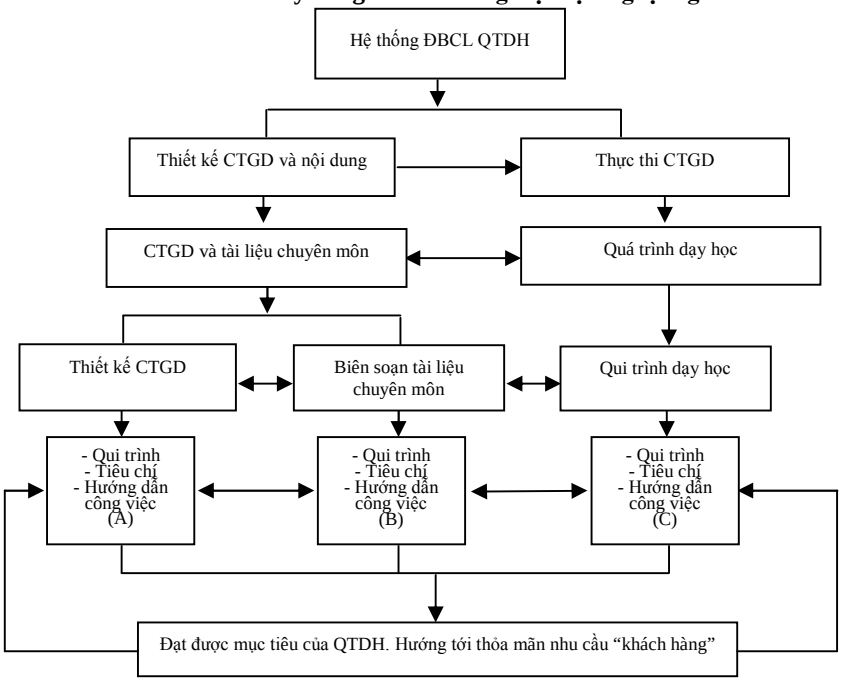

1.6.2.3. Vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

Hệ thống có cơ chế vận hành và hệ thống sau khi xây dựng phải vận hành được trong môi trường cụ thể. Bên cạnh đó, vận hành hệ thống phải được thực hiện một cách đồng bộ, trong đó các phần tử có liên hệ với nhau, tác động qua lại với nhau một cách có qui luật để tạo thành một thể thống nhất; thiếu một phần tử bất kỳ hệ thống sẽ bị phá vỡ. Hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN sau khi xây dựng phải vận hành được và khi vận hành cũng không nằm ngoài qui luật nêu trên.

1.7. Tổng kết chương 1

QLCL là quản lý theo hướng chuẩn hóa với việc thực hiện nghiêm túc các qui trình đối với từng nội dung quản lý. Trong điều kiện ở Việt Nam hiện nay, cấp độ QLCL phù hợp với các trường ĐH chính là ĐBCL. Bên cạnh đó, các trường ĐH cần quan tâm lựa chọn, từng bước thực hiện một số đặc trưng cơ bản của triết lý QLCL tổng thể phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị nhằm hướng đến việc áp dụng triết lý QLCL tổng thể một cách toàn diện trong tương lai.

Chất lượng QTDH các môn chuyên ngành và ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành có ý nghĩa quan trọng đối với chất lượng sản phẩm đào tạo, thương hiệu của các trường ĐHNN. Để đảm bảo và nâng cao chất lượng QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN, vấn đề xây dựng hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành là có tính cấp thiết. Hệ thống ĐBCL ở trường ĐH nói chung, hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN nói riêng bao gồm 3 thành tố, đó là: Danh mục các lĩnh vực cần quản lý; Các qui trình quản lý tương ứng; Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cho mỗi qui trình.

Chương 2: Thực trạng đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN và kinh nghiệm quốc tế

2.1. Sơ lược quá trình phát triển của các trường ĐHNN ở Việt Nam

Ở Việt Nam hiện nay có 3 trường ĐHNN đảm nhiệm đồng thời vai trò đào tạo các chuyên gia chuyên sâu về các ngoại ngữ cần thiết phục vụ đất nước và đào tạo đội ngũ giáo viên ngoại ngữ, trong đó Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội là Trường thành viên thuộc ĐHQG được thành lập vào năm 1955. Hai trường ĐHNN còn lại là các Trường thành viên thuộc ĐH vùng, bao gồm: Trường ĐHNN - ĐH Huế thuộc ĐH Huế được thành lập vào năm 2004 và Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng thuộc ĐH Đà Nẵng được thành lập vào năm 2002.

2.2. Giáo dục đại học Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và vai trò của ngoại ngữ

Trong xu thế hội nhập hiện nay, cùng với các lĩnh vực khác, GDĐH Việt Nam đang dần hội nhập với các nền GDĐH của châu lục và thế giới. Muốn vậy, các

chuẩn mực GDĐH của Việt Nam phải tiếp cận và đạt chuẩn mực của khu vực và thế giới. Trong tiến trình hội nhập của Việt Nam, cùng với công nghệ thông tin, ngoại ngữ đóng vai trò hết sức quan trọng. Ngay từ cuối những năm 60, đầu những năm 70, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm đến việc dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường, đến nay lại càng quan tâm hơn với việc ban hành Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020" trong đó đảm bảo và nâng cao chất lượng QTDH ngoại ngữ là yếu tố then chốt. Muốn vậy, các trường ĐHNN phải đảm bảo và nâng cao chất lượng QTDH ngoại ngữ hay nói cách khác là phải QLCL QTDH ngoại ngữ.

2.3. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở các trường Đại học Ngoại ngữ

Trong luận án đã trình bày nội dung xây dựng các mẫu phiếu khảo sát; Chọn mẫu khảo sát; Tổ chức khảo sát; Xử lý số liệu và viết báo cáo kết quả khảo sát.

2.4. Thực trạng đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở các trường Đại học Ngoại ngữ

Các kết quả được trình bày trong các bảng 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5 và ở hình 2.1. Số liệu và giải thích số liệu thu được góp phần mô tả thực trạng ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở các trường ĐHNN.

Bảng 2.2: Thực trạng đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục và tài liệu chuyên môn ở các trường Đại học Ngoại ngữ

Các nội dung đánh giá	Kết quả (tỷ lệ %)			
	CTGD		Tài liệu chuyên môn	
	Có	Không	Có	Không
Xác lập chuẩn	92.6	7.4	96.3	3.7
Xây dựng các qui trình	96.3	3.7	91.7	8.3
Xây dựng tiêu chí đánh giá các qui trình	95.4	4.6	88.9	11.1
Thực hiện các qui trình	91.7	8.3	90.7	9.3
Đo lường, thu thập và xử lý số liệu	44.4	55.6	45.4	54.6
Lập kế hoạch cải tiến	39.8	60.2	41.7	58.3
Thực hiện cải tiến	40.7	59.3	43.5	56.5

Bảng 2.3: Thực trạng đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở các trường Đại học Ngoại ngữ

Các nội dung đánh giá	Kết quả (tỷ lệ %)	
	Có	Không
Xác lập chuẩn	11.1	88.9
Xây dựng các qui trình	21.3	78.7
Xây dựng tiêu chí đánh giá các qui trình	16.7	83.3
Thực hiện các qui trình	23.1	76.9

Đo lường, thu thập và xử lý số liệu	18.5	81.5
Lập kế hoạch cải tiến	20.4	79.6
Thực hiện cải tiến	15.7	84.3

Hình 2.1: Biểu đồ thực trạng hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở các trường ĐHNN

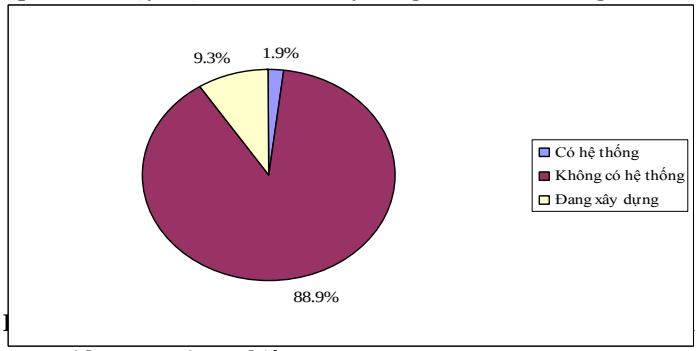

2.5. kiện các trường Đại học Ngoại ngữ hiện nay

Số liệu kết quả khảo sát và giải thích số liệu về cấp độ QLCL phù hợp với điều kiện các trường ĐHNN hiện nay, các thành tố của hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN được trình bày trong các bảng 2.6, 2.7.

Bảng 2.6: Cấp độ QLCL phù hợp với điều kiện các trường ĐHNN hiện nay

Cấp độ quản lý chất lượng phù hợp	Kết quả		
	Số lượng	Tỷ lệ %	Thứ bậc
Kiểm soát chất lượng	1	2.1	4
Đảm bảo chất lượng	18	37.5	2
ĐBCL có hướng đến một số thành tố của quản lý chất lượng tổng thể	25	52.1	1
Quản lý chất lượng tổng thể	4	8.3	3

Bảng 2.7: Các thành tố của hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN

Các thành tố của hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN	Kết quả (Điểm TBC)
Chương trình giáo dục	4.54
Tài liệu chuyên môn	4.40
Quá trình dạy học	4.65

2.6. Kinh nghiệm quốc tế về ĐBCL ở cấp hệ thống và ở trường đại học

Ở Hoa Kì, ĐBCL là một quá trình được hoạch định và có hệ thống dùng để đánh giá các trường ĐH hoặc đánh giá chương trình nhằm xác định các chuẩn mực GD, cấp học bổng, cơ sở hạ tầng của cơ sở hay CTGD. Các trường ĐH ở Hoa Kì phần lớn kết hợp tự điều chỉnh với kiểm định của các tổ chức kiểm định

chuyên môn phi Chính phủ và các hiệp hội kiểm định vùng. Quá trình KĐCL của Hoa Kì nói chung gồm các thành tố sau: Các chỉ số thực hiện, tự đánh giá và đánh giá ngoài với hai tập hợp các tiêu chí và chỉ số đánh giá.

Trường Đại học Stanford áp dụng một tập hợp có chủ ý các quá trình ĐBCL tại mỗi cấp độ thực hiện của tổ chức, bao gồm các quá trình phê chuẩn chương trình học mới, đánh giá chương trình theo định kì, đánh giá liên tục và thu thập dữ liệu. Ban giám hiệu Nhà trường có trách nhiệm phê chuẩn và đánh giá tất cả CTGD thông qua một Ủy ban đánh giá các chuyên ngành học. Các khoa được yêu cầu phải hoàn thành việc tự đánh giá bao gồm đánh giá chương trình giảng dạy, ý kiến phản hồi mang tính xây dựng từ các SV hiện tại và cựu SV. Các báo cáo tự đánh giá hằng năm gửi về cho các Ủy ban đánh giá của nhà trường.

Ở Úc, ĐBCL bao gồm các chính sách, thái độ, hành động và qui trình cần thiết để ĐBCL đang được duy trì và nâng cao. Cơ quan chất lượng của các trường đại học Úc (AUQA) kiểm tra chất lượng của các trường ĐH một cách độc lập nhằm đánh giá chất lượng của các trường ĐH thông qua hệ thống kiểm soát bên trong kết hợp với việc sử dụng kiểm toán ngoài. Kiểm toán chất lượng được xem là điểm chủ yếu của các đánh giá ngoài nhằm xem xét trường ĐH đó có đạt được các mục đích và mục tiêu đã đề ra không. Các quá trình đánh giá một trường ĐH và các thành tích cũng như các yếu điểm sẽ được xem xét rõ trong thời gian kiểm toán. Tuy nhiên, các kiểm toán viên sẽ không thực hiện việc xếp hạng hay đưa ra các kết luận về chất lượng chuyên môn và nghiên cứu của các trường ĐH.

Trường Đại học Queensland, cam kết cung cấp một khung mẫu cho quản lí và ĐBCL. Tất cả các thành viên trong trường có thể đóng góp vào việc cải thiện liên tục thông qua một chu kì nối tiếp nhau: Lập chiến lược, báo cáo và hánh giá. Cách tiếp cận đối với việc đảm bảo và QLCL của trường là nổ lực để đảm bảo rằng các quá trình cho các hoạt động, ở mọi cấp độ của trường đều có động lực thúc đẩy là nâng cao chất lượng. ĐBCL gắn liền với các quá trình và văn hóa tổ chức của Nhà trường. Đảm bảo và QLCL ở Trường ĐH Queensland là tiêu điểm của các hệ thống liên tục gồm việc lập chiến lược, báo cáo và hánh giá.

Ở Thái Lan, ĐBCL được giới thiệu qua hệ thống kiểm tra chất lượng nhà trường, kiểm toán chất lượng bên ngoài và kiểm định công nhận. Hầu hết các hệ thống ĐBCL của các trường ĐH công lập ở Thái Lan dựa trên nguyên tắc là mô hình "Đầu vào - Quá trình - Đầu ra" và đều tập trung vào hoạt động dạy học. Các trường ĐH ở Thái Lan phải thành lập, có minh chứng bằng tài liệu, thực hiện, duy trì và liên tục cải tiến hệ thống của mình. Hệ thống ĐBCL và đánh giá trường ĐH ở Thái Lan bao gồm đánh giá trong và đánh giá ngoài. Các trường ĐH chịu

trách nhiệm đánh giá trong, bao gồm việc chuẩn bị tài liệu, minh chứng, và các trang bị cần thiết cho các cơ quan đánh giá ngoài.

Trường Đại học Chulalongkorn vào năm 2001 đã công bố đề án "ĐBCL - Đại học Chulalongkorn" với 4 tiêu chuẩn ĐBCL cơ bản: "Giảng dạy học tập, Nghiên cứu, Điều hành và Hỗ trợ, Các dịch vụ học thuật" cũng như cung cấp các hướng dẫn để các đơn vị phát triển hệ thống ĐBCL của mình. Trong tiêu chuẩn ĐBCL giảng dạy học tập nêu rõ một tổ chức phải hình thành các hoạt động dạy học trong đó bao gồm: Chương trình giáo dục, đội ngũ, quá trình giảng dạy học tập, SV, các yếu tố hỗ trợ cần thiết cho các hoạt động GD nhằm đào tạo những SV tốt nghiệp có chất lượng cao.

2.7. Tổng kết chương 2

Trong tiến trình hội nhập của Việt Nam hiện nay, chất lượng đào tạo của các trường ĐHNN nhận được sự quan tâm của toàn xã hội. Do vậy, ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành có ý nghĩa then chốt đối với các trường ĐHNN. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở các trường ĐHNN chưa được triển khai thực hiện một cách đầy đủ và toàn vẹn. GV các trường ĐHNN chưa thực hiện đầy đủ nội dung các bước của qui trình dạy học. Các trường ĐHNN chưa thực hiện QLCL QTDH vì chưa có chuẩn, tiêu chí và chưa quản lý theo chuẩn, theo tiêu chí. Trong điều kiện như vậy, các trường ĐHNN đơn thuần sử dụng hệ thống quản lý đào tạo truyền thống, quản lý theo chức năng; cấp độ QLCL ở các trường ĐHNN hiện nay đang chuyển dần từ kiểm soát chất lượng sang ĐBCL. Có thể nói thực trạng ĐBCL QTDH ở các trường ĐHNN cùng với kinh nghiệm quốc tế về ĐBCL ở cấp hệ thống và ở trường ĐH được trình bày trong chương 2 là luận chứng, luận cứ để tác giả đề xuất hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN.

Chương 3: Hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

3.1. Các định hướng về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong trường đại học

Chất lượng đào tạo GDĐH, hoạt động ĐBCL trong các trường ĐH được Nhà nước ta quan tâm hàng đầu và thể hiện rõ trong các chủ trương, chính sách của Chính phủ cũng như của Bộ GD & ĐT. Tính đến nay, Nhà nước đã ban hành 2 văn bản quan trọng về hoạt động KĐCL GD bao gồm: Luật Giáo dục 2005 và Nghị định số 75/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Bên cạnh đó, Bộ GD & ĐT cũng đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về qui trình và chu kỳ KĐCL GDĐH, các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GDĐH, chỉ đạo triển khai xây

dựng hệ thống ĐBCL bên trong các cơ sở GDĐH. Các văn bản đó là những công cụ pháp lý quan trọng để triển khai hoạt động ĐBCL và xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong các cơ sở GDĐH ở Việt Nam.

3.2. Một số nguyên tắc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở các trường Đại học Ngoại ngữ

- Hướng vào "khách hàng";
- Sự tham gia của mọi người;
- Thực hiện cải tiến;
- Đảm bảo kết hợp hài hòa lợi ích của các bên.

Ngoài những nguyên tắc nêu trên, xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN cần chú ý đến các khía cạnh khác bao gồm: Sự điều khiển bao quát; Tính liên tục không bị đứt đoạn của quá trình; Các việc triển khai phải gắn bó chặt chẽ với nhau; Tôn trọng tính trực tiễn.

3.3. Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

3.3.1. Các bước xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

3.3.1.1. Xác định các lĩnh vực cần quản lý của hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

- Xác định các lĩnh vực cần quản lý của hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN bao gồm: Chương trình giáo dục và tài liệu chuyên môn; Quá trình dạy học.

- Lập sơ đồ các lĩnh vực cần quản lý của hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN được thể hiện như ở hình 3.1.

Hình 3.1: Sơ đồ các lĩnh vực cần quản lý của hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN

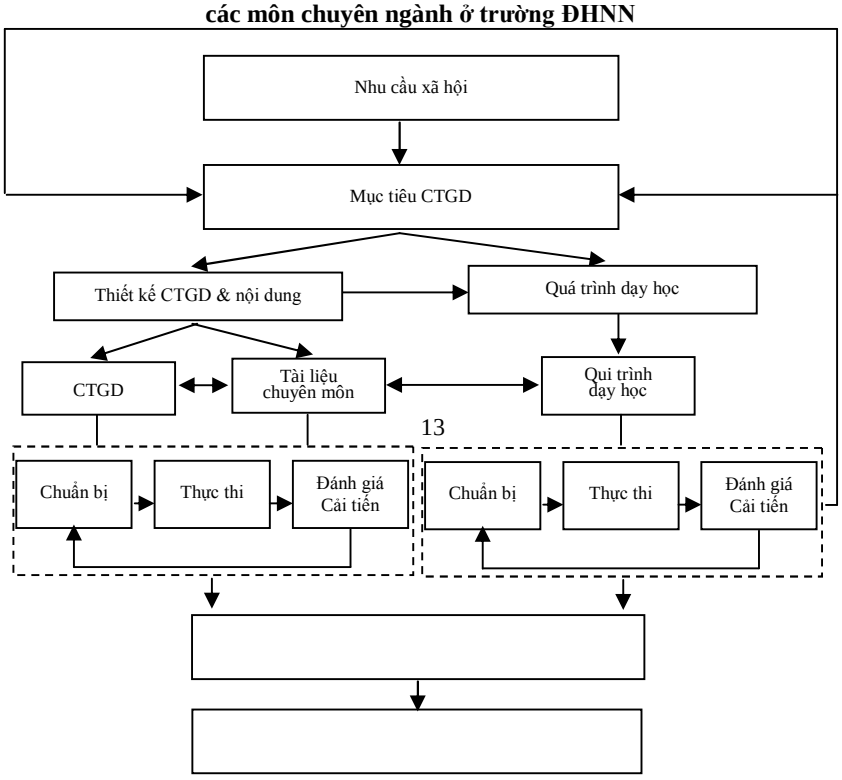

3.3.1.2. Xây dựng qui trình cho từng lĩnh vực quản lý của hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

(1). Qui trình xây dựng chương trình giáo dục

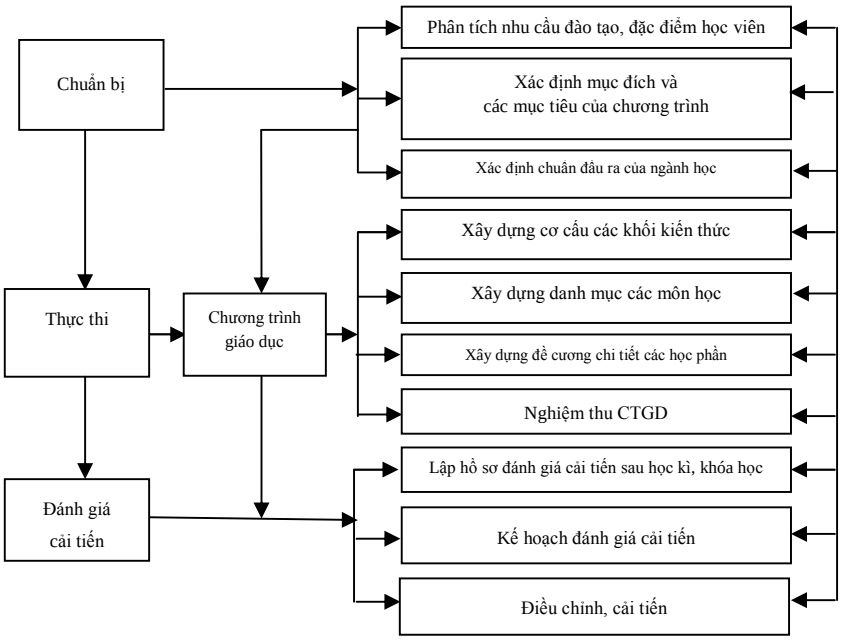

(2). Qui trình biên soạn tài liệu chuyên môn

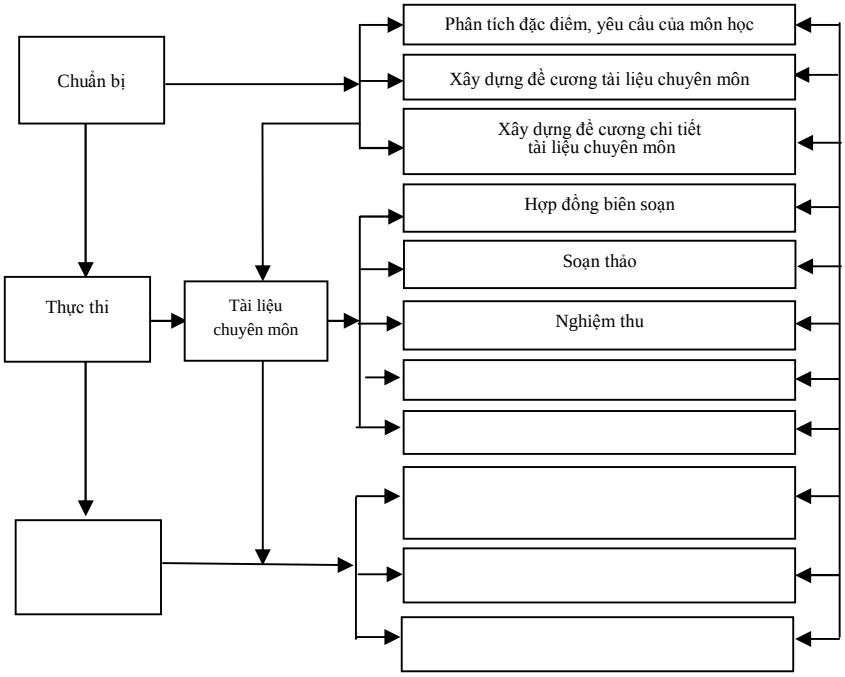

(3). Qui trình dạy học

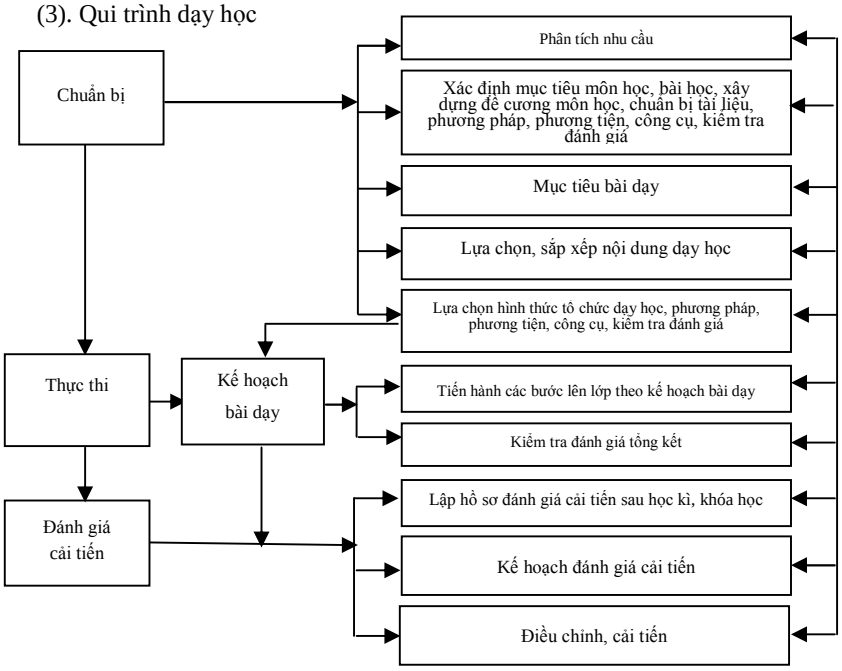

3.3.1.3. Xây dựng chuẩn, tiêu chí đánh giá cho từng lĩnh vực quản lý của hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

(1). Các tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục

Giai đoạn	Nội dung	Tiêu chí đánh giá
Chuẩn	- Phân tích nhu cầu đào	- Nhu cầu đào tạo, đặc điểm người học được

bị	tạo, đặc điểm của người học - Xác định mục đích và các mục tiêu của CTGD - Xác định chuẩn đầu ra của ngành học	xác định rõ ràng - Mục đích và các mục tiêu của CTGD được xác định cụ thể - Chuẩn đầu ra của ngành học được xác định: Phẩm chất đạo đức tốt; Được trang bị các kỹ năng mềm; Đảm bảo về kiến thức chung và kiến thức chuyên môn; Có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp.
Thực thi	- Thiết kế chương trình giáo dục - Nghiệm thu chương trình - Áp dụng	- CTGD được xác định: Phản ánh tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu của trường ĐHNN; Được thiết kế một cách hệ thống, liên tục về mặt kiến thức trong đó chú trọng phát triển các kỹ năng thực hành tiếng trước khi học các môn chuyên ngành; Đảm bảo phân định rõ các khối lượng kiến thức chuyên ngành; Chú trọng đào tạo các kỹ năng mềm cho SV; Phù hợp với yêu cầu của người tuyển dụng lao động và xã hội.
Đánh giá cải tiến	- Định kỳ lấy ý kiến phản hồi về CTGD - Xây dựng kế hoạch cải tiến - Cải tiến, hoàn thiện	- Kết quả phân tích ý kiến phản hồi về chương trình giáo dục - Kế hoạch cải tiến CTGD thể hiện các công việc cần tiến hành với các mốc thời gian cụ thể - CTGD đã được cải tiến, hoàn thiện

(2). Các tiêu chí đánh giá tài liệu chuyên môn

Giai đoạn	**Nội dung**	**Kết quả (Tiêu chí đánh giá)**
Chuẩn bị	- Thực hiện CTGD - Phân tích mục đích sử dụng	- Mục đích sử dụng của tài liệu chuyên môn được xác định rõ ràng, cụ thể
Thực thi	- Quyết định biên soạn hoặc mua tài liệu chuyên môn - Nghiệm thu tài liệu chuyên môn - Áp dụng	- Tài liệu chuyên môn được xác định: Được biên soạn bằng ngoại ngữ; Được chọn lọc và phù hợp với mục tiêu học tập của môn học; Được cập nhật; Chuyển tải nội dung kiến thức môn học đồng thời rèn luyện khả năng giao tiếp và các nét văn hóa cho SV.
Đánh giá cải tiến	- Định kỳ lấy ý kiến phản hồi về tài liệu chuyên môn - Xây dựng kế hoạch cải tiến - Cải tiến, hoàn thiện	- Kết quả phân tích ý kiến phản hồi về tài liệu chuyên môn - Kế hoạch cải tiến tài liệu chuyên môn với các công việc cần tiến hành cụ thể - Tài liệu chuyên môn được cải tiến, hoàn thiện

(3). Các tiêu chí đánh giá hoạt động dạy của giảng viên

Giai đoạn	**Nội dung**	**Tiêu chí đánh giá**
Chuẩn bị	- Phân tích nhu cầu: + Xác định vị trí môn	- Môn học được xác định trong CTGD

	học trong chương trình của bậc học hay cấp học + Điều tra đối tượng SV: Kiểm tra kiến thức nền; Tìm hiểu phong cách học của SV; Điều tra hứng thú của SV với môn học	- Kết quả kiểm tra kiến thức nền; phong cách học của SV; hứng thú của SV đối với môn học
	+ Nghiên cứu điều kiện vật chất - kĩ thuật hỗ trợ, môi trường dạy học	- Hiểu rõ về điều kiện vật chất - kĩ thuật hỗ trợ, môi trường dạy học môn học
	- Xác định mục tiêu môn học, bài học, xây dựng đề cương môn học, chuẩn bị tài liệu, phương pháp, phương tiện, công cụ, kiểm tra đánh giá	- Đề cương môn học đảm bảo các yêu cầu: Thông tin về GV; Thông tin về môn học; Nêu rõ mục tiêu của môn học; Tóm tắt nội dung môn học; Nội dung chi tiết môn học; Tài liệu chuyên môn; Hình thức tổ chức dạy học; Lịch trình chung của môn học; Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của GV; Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá; Lịch thi - Kế hoạch giảng dạy được xây dựng nêu rõ phân bổ thời gian đối với từng bài học cụ thể - Xác định giáo trình, tài liệu tham khảo
	- Chuẩn bị kế hoạch bài dạy: Viết mục tiêu bài dạy; Lựa chọn, sắp xếp nội dung dạy học; Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học, phương pháp, phương tiện, công cụ, kiểm tra đánh giá	- Kế hoạch bài dạy đảm bảo các yêu cầu: Nêu rõ mục tiêu bài dạy; Nêu rõ các bước lên lớp của GV đồng thời với các bước hoạt động học của SV; Nêu rõ tài liệu GV sẽ giảng dạy với các phương tiện dạy học cụ thể; Các hình thức kiểm tra - đánh giá GV sẽ sử dụng; Nêu ra được kết quả mong đợi khi kết thúc bài học.
Thực thi	- Tiến hành các bước lên lớp theo kế hoạch bài dạy	- GV thông báo và cung cấp đề cương môn học, giới thiệu đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo, hình thức kiểm tra, đánh giá môn học cho SV ngay từ buổi học đầu tiên - Đảm bảo theo kế hoạch bài dạy - Phương pháp giảng dạy phù hợp: Kết hợp giảng lý thuyết với thực hành; Quan tâm đến hình thức dạy tự học, làm việc nhóm, hình thành các nét văn hóa của quốc gia có ngoại ngữ SV đang học; phát âm rõ ràng, nói lưu loát - Sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học
	- Kiểm tra đánh giá việc đạt mục tiêu dạy học	- Sử dụng nhiều hình thức khác nhau để đánh giá mức độ lĩnh hội và áp dụng bài học của SV - SV nắm vững kiến thức của bài học
Đánh giá cải	- Lấy ý kiến đánh giá của SV, đồng nghiệp, tổ bộ môn	- Kết quả phân tích ý kiến đánh giá của SV, đồng nghiệp, tổ bộ môn - Kế hoạch cải tiến qui trình dạy học thể hiện

tiến	- Lập kế hoạch đánh giá cải tiến - Điều chỉnh, cải tiến	các công việc cần tiến hành với các mốc thời gian cụ thể - Qui trình dạy học đã được cải tiến

3.3.1.4. Vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

(1) Nhóm biện pháp chuẩn bị vận hành hệ thống bao gồm các biện pháp:

- Thực hiện cam kết của lãnh đạo về chính sách chất lượng QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN.

- Nâng cao nhận thức của CBQL, GV, SV về hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác ĐBCL tại các đơn vị.

- Thành lập bộ phận làm công tác ĐBCL.

(2) Nhóm biện pháp vận hành hệ thống bao gồm các biện pháp:

- Thông tin về vận hành hệ thống.

- Áp dụng đồng bộ các qui trình của các lĩnh vực quản lý.

- Theo dõi việc thực hiện các qui trình của các lĩnh vực quản lý.

- Thông tin về kết quả vận hành hệ thống.

3.3.1.5. Đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

- Đánh giá hệ thống ĐBCL với các tiêu chí: Có hay không có hệ thống?; Nếu có, hệ thống có vận hành hay không? (vận hành một lần, thường xuyên...) (minh chứng); Nếu vận hành, hệ thống có đem lại hiệu quả hay không? (minh chứng); Đầu ra của hệ thống có đạt chuẩn hay không? (minh chứng).

- Đánh giá các qui trình với các tiêu chí đánh giá bao gồm: Có hay không có qui trình?; Nếu có, các qui trình có được thực hiện hay không? (vận hành một lần, thường xuyên...) (minh chứng); Nếu thực hiện, qui trình có đem lại hiệu quả hay không? (minh chứng).

Tất cả các tiêu chí đánh giá nêu trên phải có minh chứng cụ thể. Trường hợp không có minh chứng xem như các công việc đó không được triển khai thực hiện.

3.3.1.6. Điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

- Nhà trường tiến hành điều chỉnh, sửa sai ngay lập tức các lỗi xuất hiện trong hệ thống trên cơ sở kết quả kiểm tra đánh giá hệ thống, đồng thời phát triển những phương thức nhằm ngăn ngừa tái diễn, tiến đến hoàn thiện hệ thống.

- Trong trường hợp đầu ra của hệ thống trên thực tế thấp hơn chuẩn đã xây dựng, nhà trường cần điều chỉnh nhằm nâng thực trạng đầu ra của hệ thống cao bằng chuẩn đồng thời phải đáp ứng nhu cầu của xã hội và thị trường lao động.

3.3.2. Xây dựng qui trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN

Dựa trên phần lý luận về qui trình dạy học, trong luận án đã dành 16 trang để xây dựng qui trình dạy học môn chuyên ngành ở trường ĐHNN với các nội dung cụ thể trong từng bước của qui trình dạy học đồng thời thể hiện các đặc trưng của dạy học môn chuyên ngành ở trường ĐHNN.

3.4. Trưng cầu ý kiến về hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

3.4.1. Mục đích trưng cầu ý kiến

Kiểm chứng về tính cấp thiết và khả thi, thứ tự các bước xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN.

3.4.2. Lựa chọn đối tượng được trưng cầu ý kiến

Đối tượng trưng cầu ý kiến là: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo, Trưởng phòng Đào tạo, Phó trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa, Phó trưởng khoa phụ trách chuyên môn, Tổ trưởng bộ môn và các nhà khoa học của 3 trường ĐHNN bao gồm: Trường ĐHNN - ĐHQG Hà Nội, Trường ĐHNN - ĐH Huế, Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng.

3.4.3. Quá trình trưng cầu ý kiến

Vòng 1: Trưng cầu ý kiến qua phỏng vấn (15 người ở các trường ĐHNN). Vòng 2: Tổ chức Xemina tại Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng với thành phần nêu trên (10 người). Vòng 3: Trưng cầu ý kiến bằng phiếu để lấy ý kiến với thành phần nêu trên ở các trường ĐHNN (48 người).

3.4.4. Kết quả trưng cầu ý kiến

3.4.4.1. Đánh giá tính cấp thiết và khả thi các bước xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

Bảng 3.1: Đánh giá tính cấp thiết và khả thi các bước xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN

Các bước xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN	Kết quả (Điểm TBC)	
	Tính cấp thiết	Tính khả thi
Xác định các lĩnh vực cần quản lý	4.83	4.78
Xây dựng qui trình cho từng lĩnh vực quản lý	4.85	4.52
Xây dựng chuẩn, tiêu chí đánh giá từng lĩnh vực quản lý	4.80	4.42
Vận hành hệ thống	4.81	4.46
Đánh giá hệ thống	4.78	4.55
Điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống	4.68	4.50

3.4.4.2. Đánh giá thứ tự các bước xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

Bảng 3.3: Đánh giá thứ tự các bước xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

Các bước xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN	Kết quả (tỷ lệ %)					
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**
Xác định các lĩnh vực cần quản lý	91.7	0	4.2	2.1	2.1	0
Xây dựng qui trình cho từng lĩnh vực quản lý	12.5	83.3	2.1	0	0	0
Xây dựng chuẩn, tiêu chí đánh giá cho từng lĩnh vực quản lý	6.2	8.3	77.1	0	0	0
Vận hành hệ thống	0	2.1	2.1	95.8	0	0
Đánh giá hệ thống	0	0	2.1	2.1	95.8	0
Điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống	0	0	0	0	2.1	97.9

3.4.1.3. Đánh giá tính cấp thiết và khả thi của hệ thống đảm bảo chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

Bảng 3.4: Đánh giá tính cấp thiết và khả thi của hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ

Nội dung	Kết quả (Điểm TBC)	
Hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN	**Tính cấp thiết**	**Tính khả thi**
	4.75	4.52

3.5. Thử nghiệm qui trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng

QLCL là quản lý theo hướng chuẩn hóa thông qua việc thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các qui trình. Trong QLCL QTDH thì QTDH được thiết kế như một qui trình, đó là qui trình dạy học. Trong khuôn khổ luận án, tác giả tiến hành xây dựng qui trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN và thử nghiệm qui trình dạy học đề xuất tại Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng. Sở dĩ tác giả luận án đã lựa chọn thử nghiệm qui trình dạy học bởi qui trình dạy học là qui trình cơ bản, cốt lõi của QTDH đồng thời có tính đến tính khả thi và thực tiễn trong quá trình áp dụng thử nghiệm.

3.5.1. Mục đích thử nghiệm

Kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của qui trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN đã đề xuất trong luận án.

3.5.2. Phạm vi, đối tượng và thời gian thử nghiệm

3.5.2.1. Phạm vi thử nghiệm

Do điều kiện hạn chế về thời gian và kinh phí, tác giả lựa chọn và tiến hành thử nghiệm tại Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng.

3.5.2.2. Đối tượng thử nghiệm

Sinh viên hệ chính quy tập trung Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng, cụ thể là Lớp 07CNA08 (30 SV), Khoa tiếng Anh, Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng với học phần Phiên dịch 1 với thời gian thử nghiệm từ tháng 9/2009 đến tháng 12/2009.

3.5.3. Qui trình thử nghiệm

Qui trình thử nghiệm được tiến hành theo 3 bước:

Bước 1: Trao đổi với GV bộ môn và SV về mục đích thử nghiệm qui trình dạy học do tác giả đề xuất. Xây dựng mẫu phiếu điều tra đánh giá về hiệu quả áp dụng qui trình dạy học.

Bước 2: GV áp dụng qui trình dạy học môn Phiên dịch 1 do tác giả luận án đề xuất với các bước và công việc cụ thể.

Bước 3: Lấy ý kiến phản hồi về tính khả thi và hiệu quả áp dụng qui trình dạy học luận án đã đề xuất.

3.5.4. Đánh giá kết quả thử nghiệm

Kết quả thử nghiệm được trình bày chi tiết trong luận án. Các số liệu ở hình 3.5 và bảng 3.5 cho thấy chất lượng giờ giảng môn Phiên dịch 1 được cải thiện qua từng buổi học và việc áp dụng qui trình dạy học luận án đề xuất đem lại hiệu quả Tốt đối với QTDH học phần Phiên dịch 1.

. Hình 3.5: Đánh giá chất lượng giờ giảng học phần Phiên dịch 1 Lớp 07CNA08, Khoa tiếng Anh, Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng

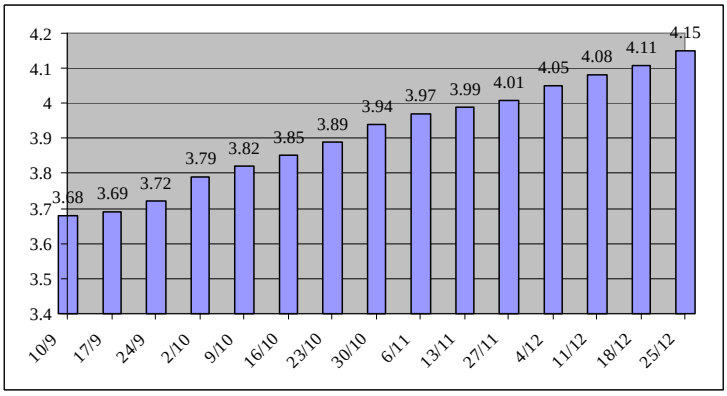

Bảng 3.5: Đánh giá chất lượng giảng dạy học phần Phiên dịch 1 Lớp 07CNA08, Khoa tiếng Anh, Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng

Đánh giá chất lượng giảng dạy học phần Phiên dịch 1	Kết quả					
	Tỷ lệ %					Điểm TBC
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Kém	
Chất lượng giảng dạy học phần Phiên dịch 1	23.3	73.4	3.3	0	0	4.20

Sau khi tiến hành thử nghiệm, chúng tôi đã trao đổi với GV giảng dạy học phần Phiên dịch 1 và SV lớp 07CNA08, Khoa tiếng Anh, Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng có nhận xét như sau:

Các bước phân tích nhu cầu, kiểm tra kiến thức nền và tìm hiểu phong cách học trong buổi học đầu tiên giúp tôi hiểu rõ mong đợi và kỳ vọng của sinh viên đối với môn học này, cũng như có được cái nhìn tổng quan về trình độ và phong cách học của sinh viên. Từ đó, tôi đã điều chỉnh kế hoạch bài dạy cho phù hợp và linh hoạt hơn, nhưng vẫn đảm bảo bám sát với nội dung giáo trình chính.

Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên sau mỗi buổi học là một hoạt động thiết thực và hiệu quả. Dựa trên kết quả điều tra này, tôi có thể biết rõ những hoạt động nào cần phải phát huy, và những hoạt động nào cần khắc phục. Ví dụ: Sinh viên rất thích làm việc theo cặp, theo nhóm để thực hành dịch Việt - Anh dựa trên tài liệu và từ vựng mà tôi đã cung cấp. Như vậy tôi tiếp tục áp dụng hoạt động này trong giờ học tiếp theo. Hoặc khi sinh viên phản hồi là cảm thấy rất khó khăn đối với việc khi dịch trực tiếp từ video clips, thì tôi cần phải tìm hiểu là nguyên nhân từ đâu (nội dung quá khó? không sát với thực tế? không thú vị?...) và có những giải pháp phù hợp, giúp các em từng bước làm quen với kỹ năng này.

Tuy có thể hơi tốn chút thời gian và công sức, nhưng những lợi ích từ việc thực hiện qui trình dạy học này là một điều hoàn toàn dễ nhận thấy và việc áp dụng qui trình này trong dạy học các môn chuyên ngành ở trường Đại học Ngoại ngữ là hoàn toàn khả thi và hiệu quả.

3.6. Tổng kết chương 3

Trong chương 3 của luận án, tác giả đã đề xuất 6 bước xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN bao gồm: Xác định các lĩnh vực cần quản lý của hệ thống; Xây dựng qui trình cho từng lĩnh vực quản lý; Xây dựng chuẩn, tiêu chí đánh giá cho từng lĩnh vực quản lý; Vận hành hệ thống; Đánh giá hệ thống; Điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống.

Kết quả thăm dò ý kiến chuyên gia đã chứng tỏ rằng các bước xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN mà luận án đề xuất là hợp lý đồng thời khẳng định tính cấp thiết và khả thi của việc áp dụng hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành trong điều kiện hiện nay của các trường ĐHNN.

Luận án cũng đề xuất qui trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN với các bước thực hiện cụ thể theo chu trình Deming, đảm bảo mô hình IPO (Input - Process - Output) và hướng đến việc áp dụng triết lý QLCL tổng thể thông qua hình thức đội làm việc và bước đầu xây dựng nền văn hóa chất lượng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy học các môn chuyên ngành. Kết quả thử nghiệm cũng đã khẳng định tính khả thi và hiệu quả có được khi áp dụng qui trình dạy học mà luận án đã đề xuất đối với QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Luận án đã thực hiện những nhiệm vụ đề ra. Trong quá trình nghiên cứu tác giả rút ra một số kết luận như sau:

1.1. Trong bối cảnh Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập quốc tế và do nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao biết sử dụng và sử dụng thành thạo ngoại ngữ để có thể tiếp cận và làm chủ nhanh chóng, chính xác các trang thiết bị hiện đại, vai trò của các trường ĐHNN càng trở nên quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực ngoại ngữ có chất lượng để phục vụ đất nước về các lĩnh vực liên quan đến ngoại ngữ và thực hiện việc giảng dạy, phổ cập ngoại ngữ, góp phần nâng cao trình độ ngoại ngữ cho nhân dân và đội ngũ những người lao động. Vì vậy, ĐBCL đào tạo là nhiệm vụ tiên quyết của các trường ĐHNN. Đề cập đến chất lượng đào tạo của trường ĐHNN chính là đề cập đến chất lượng QTDH các môn chuyên ngành bởi lẽ chất lượng QTDH các môn chuyên ngành quyết định gần như toàn bộ khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ cũng như việc sử dụng thành thạo các kỹ năng ngoại ngữ của SV. Để ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành, các trường ĐHNN cần áp dụng quản lý QTDH theo tiếp cận QLCL, trong đó xây dựng hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành là giải pháp tối ưu và có tính cấp thiết.

1.2. Qua nghiên cứu, trong điều kiện hiện nay của các trường ĐHNN, hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành được xây dựng trên cơ sở lý thuyết về ĐBCL có hướng đến một số thành tố của triết lý QLCL tổng thể phù hợp với điều kiện và đặc thù của QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN, với các lĩnh vực quản lý là: Chương trình giáo dục và tài liệu chuyên môn; Quá trình dạy học.

Hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN được tác giả đề xuất xây dựng và vận hành gồm 6 bước: Xác định các lĩnh vực cần quản lý; Xây dựng qui trình cho từng lĩnh vực quản lý; Xây dựng chuẩn, tiêu chí đánh giá

cho từng lĩnh vực quản lý; Vận hành hệ thống; Đánh giá hệ thống; Điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống. Các bước vừa nêu trên phải được thực hiện đầy đủ, trình tự, thực hiện thiếu hoặc bỏ sót bất kỳ bước nào cũng khiến hệ thống không hoàn thiện thậm chí không thể hình thành hệ thống. Bên cạnh đó, hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN phải được vận hành thường xuyên, đồng bộ, định kỳ đánh giá hiệu quả vận hành làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch cải tiến; tiến hành điều chỉnh, cải tiến, hoàn thiện hệ thống với chuẩn đạt được dần hướng tới thỏa mãn nhu cầu của "khách hàng" và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Qui trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN luận án đề xuất với các bước thực hiện cụ thể theo chu trình Deming, đảm bảo mô hình IPO (Input - Process - Output) và hướng đến việc áp dụng triết lý QLCL tổng thể thông qua hình thức đội làm việc và bước đầu xây dựng nền văn hóa chất lượng nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng QTDH các môn chuyên ngành.

1.3. Kết quả thăm dò ý kiến chuyên gia cho rằng các bước xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL QTDH luận án đề xuất là hợp lý đồng thời khẳng định tính cấp thiết và khả thi của việc áp dụng hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành trong điều kiện hiện nay của các trường ĐHNN. Kết quả thử nghiệm cũng đã khẳng định tính khả thi và hiệu quả khi áp dụng qui trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN mà luận án đã đề xuất.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ GD & ĐT

- Cần lựa chọn và áp dụng thực hiện đồng bộ mô hình QLCL nhằm tạo sự thống nhất trong toàn hệ thống ĐBCL GDĐH Việt Nam.
- Yêu cầu các trường ĐH công bố chuẩn đầu ra cũng như chuẩn của từng nội dung Nhà trường quản lý.
- Yêu cầu các trường ĐH thiết lập các qui trình quản lý và công bố công khai đối với khách hàng (bên trong và bên ngoài) đồng thời đảm bảo các công việc được giải quyết theo đúng qui trình đã công bố.
- Triển khai và kiểm tra việc xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong các trường ĐH. Cần có chế tài đối với các trường không thực hiện nghiêm túc.
- Ban hành chuẩn đánh giá GV các trường ĐH, cao đẳng.

2.2. Đối với các trường ĐHNN

- Triển khai lấy ý kiến đánh giá của SV đối với QTDH các môn chuyên ngành của GV làm cơ sở để GV lập kế hoạch cải tiến đồng thời kiểm tra đánh giá mức

độ cải tiến QTDH của GV so với kế hoạch cải tiến đã lập cũng như so với các ý kiến đánh giá phản hồi của SV.

- Tiến hành lấy ý kiến phản hồi của CBQL, GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức GD và các tổ chức khác đối với CTGD, tài liệu chuyên môn, chất lượng sản phẩm đào tạo làm cơ sở để duy trì, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Xây dựng hệ thống ĐBCL QTDH các môn chuyên ngành.

2.3. Đối với GV dạy các môn chuyên ngành ở trường ĐHNN

- Am hiểu các khái niệm về chất lượng, ĐBCL, hệ thống ĐBCL và các thuật ngữ liên quan đến chất lượng.

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ môn học trước khi thực hiện qui trình dạy học.

- Tự giác, tích cực thực hiện đầy đủ các qui trình quản lý nhằm góp phần xây dựng nền văn hóa chất lượng của nhà trường.

- Thực hiện đầy đủ các bước trong qui trình dạy học nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng QTDH các môn chuyên ngành.